

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá,
xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”,
“Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Nghị định số 86/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 88/TTr-SVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2025;

UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với hộ gia đình; thôn, bản, tổ dân phố, khu phố (gọi chung là thôn, tổ dân phố); xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”

1. Đối với danh hiệu “Gia đình văn hóa”

a) Việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” được áp dụng đối với hộ gia đình thuộc xã đặc biệt khó khăn hoặc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ: Đạt từ 85 điểm trở lên. Hộ gia đình không thuộc trường hợp trên đạt từ 90 điểm trở lên.

b) Điểm chi tiết tiêu chuẩn xét tặng quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này đạt từ 50% số điểm trở lên.

2. Đối với danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

a) Việc xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” được áp dụng đối với thôn, tổ dân phố thuộc các xã miền núi hoặc xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ đạt từ 85 điểm trở lên. Thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp trên đạt từ 90 điểm trở lên.

b) Điểm chi tiết tiêu chuẩn xét tặng quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này đạt từ 50% số điểm trở lên.

3. Đối với danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”

Việc xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” để tặng hằng năm cho xã, phường dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP Quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

a) Văn bản của thôn, tổ dân phố đề nghị UBND cấp xã về việc xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

c) Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” (Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” (Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

c) Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” (Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 6. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”

1. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức họp, đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố và lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này, gửi đến UBND cấp xã.

b) UBND cấp xã tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách thôn, tổ dân phố đủ điều kiện được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”; công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

c) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu và Bằng chứng nhận (Mẫu số 07 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định).

3. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”

a) UBND cấp xã tổ chức họp, đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn và lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này, gửi đến UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 11 hằng năm (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

b) Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách xã, phường đủ điều kiện được tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”; công khai danh sách trên cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

c) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu và Bằng chứng nhận “Xã, phường tiêu biểu”.

4. Danh sách hộ gia đình, thôn, tổ dân phố, xã, phường đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu được thông báo công khai để lấy ý kiến của người dân theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày lấy ý kiến người dân, nếu có ý kiến không nhất trí với danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” thực hiện như sau:

a) Đối với danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức họp xem xét và kết luận đề nghị hay không đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” đối với hộ gia đình; thông báo công khai kết luận trên bảng tin công cộng hoặc các hình thức khác (nếu có).

b) Đối với danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, UBND cấp xã tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp xem xét và kết luận tặng hay không tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đối với thôn, tổ dân phố; thông báo công khai kết luận trên cổng thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có).

c) Đối với danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, UBND tỉnh tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp xem xét và kết luận tặng hay không tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” đối với xã, phường; thông báo công khai kết luận trên cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc các hình thức khác (nếu có).

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Theo dõi, tổng hợp việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” quy định tại Quyết định này.

c) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn về công tác xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”.

d) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” theo quy định của pháp luật.

đ) Tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” do UBND cấp xã trình gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Sở Nội vụ, cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

e) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

Phối hợp, hướng dẫn, triển khai thực hiện tiêu chuẩn danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” tại địa phương.

b) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2025 và thay thế Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh (cũ) về việc ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang (cũ) về việc quy định tiêu chuẩn; cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc sở, ngành, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Lê Xuân Lợi

Phụ lục I**TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|--|--|-------------|
| I. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (30 điểm) | 1. Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật (10 điểm) | Chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật. Không có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật. | 4 |
| | | Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, quy định của địa phương và quy ước, hương ước cộng đồng dân cư. | 3 |
| | | Tuyên truyền, vận động thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật. | 3 |
| | 2. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định (10 điểm) | Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, họ hàng, cộng đồng thực hiện nếp sống văn minh, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong việc cưới, việc tang và lễ hội. | 4 |
| | | Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định. Không vi phạm quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. | 6 |
| | 3. Bảo đảm thực hiện an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy (06 điểm) | Đăng ký tham gia xây dựng thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” tại nơi cư trú. | 2 |
| | | Tích cực tham gia đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm. | 2 |
| | | Bảo đảm các điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định. | 2 |
| | 4. Bảo đảm các quy định về độ ồn, | Không có hoạt động sử dụng âm thanh tại gia đình và nơi công cộng tại khu dân | 4 |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|---|---|------|
| | không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường (04 điểm) | cư quá quy định gây bức xúc trong Nhân dân và bị phản ánh chính thức bằng văn bản hoặc được ghi nhận, xác nhận từ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. | |
| <p style="text-align: center;">II.</p> <p>Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội của địa phương (40 điểm)</p> | 1. Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương (04 điểm) | Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, giữ gìn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cảnh quan môi trường tại địa phương. | 2 |
| | | Thường xuyên tuyên truyền, vận động gia đình, người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái; tham gia trồng cây xanh, cây cảnh xung quanh nhà và nơi cư trú. | 2 |
| | 2. Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập (05 điểm) | Tích cực tham gia các phong trào từ thiện nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, cuộc vận động ủng hộ an sinh xã hội ở địa phương. | 2 |
| | | Tích cực tham gia phong trào “Khuyến học, khuyến tài”, xây dựng xã hội học tập, phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời” và xây dựng gia đình học tập. | 3 |
| | 3. Tham gia sinh hoạt cộng đồng nơi cư trú (08 điểm) | Tham gia các cuộc họp, hội nghị do khu dân cư, thôn, tổ dân phố tổ chức. | 4 |
| | | Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động sinh hoạt cộng đồng nơi cư trú. | 4 |
| 4. Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức (10 điểm) | Đồng thuận hưởng ứng tham gia các phong trào, cuộc vận động: chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xóa đói giảm nghèo; sản xuất, kinh doanh giỏi và các phong trào, cuộc vận động khác do địa phương tổ chức. | 5 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|---|---|------|
| | | Tích cực tham gia lao động và có những việc làm thiết thực hoặc đóng góp vật chất ủng hộ phong trào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. | 5 |
| | 5. Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng (08 điểm) | Có ít nhất 80% thành viên trong gia đình trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm và thu nhập chính đáng. | 8 |
| | 6. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (05 điểm) | 100% trẻ em trong gia đình ở độ tuổi đi học được đến trường; 100% thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. | 5 |
| III. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gần bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng (30 điểm) | 1. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình (05 điểm) | Có đăng ký và thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình. | 3 |
| | | Tích cực tuyên truyền, vận động thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình. | 2 |
| | 2. Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình (03 điểm) | Thực hiện tốt chính sách dân số; tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số. | 1 |
| | | Thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng, hòa thuận, thủy chung. | 2 |
| | 3. Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (10 điểm) | Các thành viên trong gia đình được tôn trọng, thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau; không phân biệt đối xử về giới, có cơ hội như nhau trong phát triển kinh tế - xã hội. | 4 |
| | | Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan. | 6 |
| 4. Hộ gia đình có | Có đủ 3 công trình hợp vệ sinh (nước | 8 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|-----------------------|---|---|-------------|
| | nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh (08 điểm) | sạch, nhà tắm, nhà tiêu) đạt chuẩn và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ). | |
| | 5. Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn (04 điểm) | Tham gia giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, gia đình khó khăn, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam-dioxin và những người bất hạnh. | 4 |

Phụ lục II**TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU****“THÔN, TỔ DÂN PHỐ VĂN HÓA”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|--|---|--|-------------|
| I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển (15 điểm) | 1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định (04 điểm) | Tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia lao động từ 85% trở lên (đối với vùng đô thị), 80% trở lên (đối với vùng nông thôn, miền núi). | 2 |
| | | Thu nhập bình quân đầu người của thôn, tổ dân phố bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của xã, phường. | 2 |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp (04 điểm) | Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giảm nghèo được cấp có thẩm quyền giao. | 3 |
| | | Thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. (Tỷ lệ hộ gia đình hoặc cá nhân tham gia đóng góp quỹ “Vì người nghèo” hằng năm đạt từ 80% trở lên. 100% các hộ nghèo, cận nghèo, và các đối tượng khó khăn được thăm hỏi, tặng quà trong các dịp lễ, tết, hoặc khi gặp hoạn nạn, rủi ro). | 1 |
| | 3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương (02 điểm) | Có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật. | 1 |
| | | Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương. | 1 |
| | 4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào | Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát | 1 |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|--|--|------|
| | phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức (05 điểm) | triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức. | |
| | | Có từ 90% trở lên hộ gia đình tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng. | 2 |
| | | 80% đường thôn, 100% đường tổ dân phố được cứng hoá; đường thôn, tổ dân phố sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện. | 2 |
| II. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú (30 điểm) | 1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố (02 điểm) | Có nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách thôn, tổ dân phố thường xuyên được chỉnh trang, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư, phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố. | 2 |
| | 2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (02 điểm) | Có 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; 100% thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; có phong trào khuyến học, khuyến tài hoạt động hiệu quả. | 2 |
| | 3. Tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh (07 điểm) | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố. | 1 |
| | | Duy trì tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ; giao hữu, thi đấu các môn thể thao. | 2 |
| | | Duy trì hoạt động các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích; phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui | 2 |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|----------------|--|--|------|
| | | chơi, giải trí cho trẻ em. | |
| | | Tối thiểu dành 30% thời gian sử dụng các Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố trong năm cho hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao cho người già và trẻ em. | 2 |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội (05 điểm) | 100% hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. | 5 |
| | 5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội (07 điểm) | 100% các vụ việc mâu thuẫn, bất hòa ở cộng đồng được tổ chức hòa giải thành công. | 1 |
| | | Thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; không để phát sinh người mới mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không có học sinh, thanh thiếu niên có hành vi đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng, vi phạm pháp luật hình sự; không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại. | 2 |
| | | Được công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. | 4 |
| | 6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương (07 điểm) | Di sản văn hóa trên địa bàn thôn, tổ dân phố được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. | 2 |
| | | Có hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương. | 2 |
| | | Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn. | 3 |
| | 1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp | 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các | 5 |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|--|--|----------|
| <p>III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp (23 điểm)</p> | <p>luật về bảo vệ môi trường (05 điểm)</p> | <p>tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom xử lý đúng quy định.</p> | |
| | <p>2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương (05 điểm)</p> | <p>100% gia đình thực hiện thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang và tổ chức việc tang theo nếp sống văn minh, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý hộ tịch, bảo vệ môi trường, y tế và không phát sinh các vi phạm, hủ tục, lãng phí gây bức xúc trong cộng đồng.</p> | <p>3</p> |
| | | <p>Việc mai táng được thực hiện tại các nghĩa trang theo đúng quy hoạch, quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương; khuyến khích hình thức hỏa táng văn minh, tiết kiệm đất đai.</p> | <p>2</p> |
| | <p>3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ (04 điểm)</p> | <p>100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn thôn, tổ dân phố được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, ghế đá, trồng cây, trồng hoa, thường xuyên được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ.</p> | <p>4</p> |
| | <p>4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh (09 điểm)</p> | <p>100% hộ gia đình tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh.</p> | <p>2</p> |
| | | <p>100% hộ gia đình trên địa bàn thôn, tổ dân phố sử dụng nước đảm bảo vệ sinh theo quy định; có nhà tiêu, nhà tắm, dụng cụ chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và bảo đảm 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).</p> | <p>3</p> |
| <p>Trên địa bàn thôn, tổ dân phố có hệ thống cấp, thoát nước thường xuyên được cải tạo, nâng cấp; cải tạo các ao, hồ sinh thái; có tổ vệ sinh, thường</p> | | <p>2</p> | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|---|--|---|--------|
| | | xuyên quét dọn, thu gom, xử lý rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định; (đối với các thôn không có cụm, tuyến dân cư tập trung, cần tổ chức tốt việc vận động, hướng dẫn cho mỗi hộ gia đình đào hố thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải hợp vệ sinh). | |
| | | Các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, có biện pháp không chế, không làm lây lan dịch bệnh (nếu có). | 2 |
| <p>IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương (22 điểm)</p> | <p>1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (04 điểm)</p> | <p>Triển khai nhiều hình thức tuyên truyền nội dung đa dạng phong phú thu hút được đông đảo Nhân dân quan tâm, hưởng ứng thực hiện; các tổ chức đoàn thể sinh hoạt hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đảng được xếp loại “Tốt” trở lên.</p> | 4 |
| | <p>2. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua của địa phương (02 điểm)</p> | <p>Tổ chức triển khai phát động rộng rãi đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn; tổ chức đăng ký, thực hiện bình xét, đánh giá, tổng kết các phong trào thi đua nghiêm túc, đúng quy định.</p> | 2 |
| | <p>3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả (06 điểm)</p> | <p>Có từ 03 tổ chức tự quản ở cộng đồng trở lên hoạt động có hiệu quả. Có hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả.</p> | 4 2 |
| | <p>4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình văn hóa (06 điểm)</p> | <p>Có từ 85% hộ gia đình trở lên được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, trong đó có ít nhất 65% gia đình văn hóa đạt 03 năm liên tục trở lên. Đảm bảo nguyên tắc xét danh hiệu gia</p> | 4 2 |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm |
|--|---|--|------|
| | | đình văn hóa khách quan, công bằng, chính xác và công khai. | |
| | 5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (04 điểm) | Có ít nhất 01 mô hình câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả. | 2 |
| | | Tại năm đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, thôn, tổ dân phố không có bạo lực gia đình xảy ra. | 2 |
| V. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng (10 điểm) | 1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung ương và địa phương phát động (3 điểm) | Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, Cuộc vận động “Vì người nghèo” và các cuộc vận động khác. | 3 |
| | 2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn (04 điểm) | Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn được quan tâm, chăm sóc. | 4 |
| | 3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở (03 điểm) | Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở. | 3 |

Phụ lục III
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU
“XÃ, PHƯỜNG TIÊU BIỂU”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|--|---|----------|
| I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao | 1. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác | Trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; không có học sinh, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật hình sự, đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng; triển khai thực hiện tốt công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; có mô hình camera an ninh và mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy gắn phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | Đạt |
| | | Xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. | Đạt |
| | 2. Hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội | Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm. | Đạt |
| | | Có các hoạt động hợp tác, liên kết phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ thu hút lao động, tạo việc làm nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện đời sống cho người dân trên địa bàn. | Đạt |
| | 3. Thực hiện công tác quân sự, quốc phòng của địa phương | Hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang dân quân tự vệ. | Đạt |
| | | Triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết và văn bản chỉ đạo | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|---|---|--|
| | | của cấp trên về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong năm. | |
| | | Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được giao. | Đạt |
| | | Không có công dân không hoàn thành nghĩa vụ quân sự. | Đạt |
| II. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển | 1. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước | Tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia lao động từ 85% trở lên (đối với phường), 80% trở lên (đối với xã). | Đạt |
| | | Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước. | Đạt |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh. | Đạt |
| | 3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn | Triển khai thực hiện tốt các quy định về đảm bảo an toàn hệ thống đường điện trên địa bàn. | Đạt |
| | | 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được cung cấp đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất. | Đạt |
| | 4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế | 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả. | Đạt |
| | | Không có xảy ra tranh chấp, khiếu kiện cơ sở vật chất, đất đai hoặc bị phản ánh về lãng phí các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn. | Đạt |
| | | 1. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm | Có 90% trở lên thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm, trong đó ít nhất có 60% thôn, tổ dân phố đạt 05 năm liên tục trở lên. |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|---|--|----------|
| III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú | 2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả | 100% Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | Đạt |
| | | 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường có thành lập các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và thường xuyên hoạt động hiệu quả. | Đạt |
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội | 100% hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. | Đạt |
| | 4. Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn được bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo đúng quy định. | Đạt |
| | và các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương | Không có hoạt động khiếu kiện, khiếu nại, lấn chiếm đất, xâm hại di tích; không có vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích. | Đạt |
| | | Các giá trị văn hóa phi vật thể, các hoạt động văn hóa, thể thao dân gian truyền thống được giữ gìn, bảo tồn và phát huy trong đời sống cộng đồng. | Đạt |
| IV. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp | 1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ | Thường xuyên tuyên truyền, phát động phong trào trồng cây xanh công cộng tại các đường thôn, tổ dân phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư; xây dựng các mô hình tổ liên gia tự quản về vệ sinh môi trường. | Đạt |
| | | 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|---|---|----------|
| | | doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn thực hiện nghiêm túc quy định về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng và các quy định về phòng, chống cháy, nổ. | |
| | | Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy; xây dựng các mô hình tổ liên gia an toàn về phòng chống cháy, nổ. | Đạt |
| | 2. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đã được quy hoạch trong quy hoạch chung các cấp. | Đạt |
| | | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) trên địa bàn thực hiện quy trình chôn cất, hỏa táng đúng quy định của pháp luật, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh trong tình hình mới. | Đạt |
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy định: Khu vực đô thị: 100%; Khu vực nông thôn: 70%; Khu vực dân tộc thiểu số và miền núi: 65%. | Đạt |
| | 4. Cảnh quan, không gian xanh -sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Các tuyến đường giao thông nội bộ, đường xã, phường, liên xã, phường và các khu vực công cộng có trồng cây xanh, cây bóng mát đảm bảo cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn và được vệ sinh môi trường thường xuyên. | Đạt |
| | | Không để tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, dưới kênh mương thoát nước không có rác thải. | Đạt |
| | 1. Tuyên truyền, tổ chức thực hiện | Triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, nội dung đa dạng, phong phú thu hút được đông đảo Nhân dân quan | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|--|---|--|----------|
| V. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước | nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | tâm, hưởng ứng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. | |
| | | Các tổ chức đoàn thể có xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sinh hoạt thường xuyên, đạt chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đảng được xếp loại “Tốt” trở lên. | Đạt |
| | 2. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định | Tổ chức triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định. Có từ 80% trở lên thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình. | Đạt |
| | 3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương | Có xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường. Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh; xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. | Đạt |
| | | Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật. | Đạt |
| | | Tổ chức các buổi trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã, phường với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư. | Đạt |
| 4. Xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Có quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. | Đạt | |

Phụ lục IV**MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

| | |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Văn bản của thôn/tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường về việc xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”. |
| Mẫu số 02 | Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của thôn/tổ dân phố. |
| Mẫu số 03 | Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”. |
| Mẫu số 04 | Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã/phường đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”. |
| Mẫu số 05 | Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”. |
| Mẫu số 06 | Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”. |
| Mẫu số 07 | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã/phường về việc tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” |
| Mẫu số 08 | Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” |

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(4)
THÔN, TỔ DÂN PHỐ ...(3)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ

Xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2)...

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường.. (4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của thôn, tổ dân phố...(3)....., Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố ...(3)... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường(4)... tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” cho thôn/tổ dân phố:.....

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường...(4)...xem xét quyết định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.
- (3) Tên thôn/tổ dân phố.
- (4) Tên xã/phường/thị trấn.

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(4)...
THÔN, TỔ DÂN PHỐ ...(3)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm(2)....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86 /2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Thôn/tổ dân phố(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm .. (2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình của thôn/tổ dân phố ...(3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích thôn/tổ dân phố ...(3)... đạt được trong năm .. (2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

TRƯỞNG THÔN/TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ ...(3)...

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh thôn/tổ dân phố.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
- (3) Tên thôn/tổ dân phố.
- (4) Tên xã/phường.

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(4)
THÔN, TỔ DÂN PHỐ ...(3)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP

Thôn/tổ dân phố ...(3)... tự đánh giá mức độ đạt tiêu chuẩn danh hiệu

“Thôn, tổ dân phố văn hóa” - Năm ...(2)...

Thời gian: ...giờ... phút, ngày tháng năm...

Địa điểm:(5).....

Thôn/tổ dân phố(3)... tiến hành họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...

(2)....

Chủ trì cuộc họp:.....

Thư ký cuộc họp:.....

Các thành viên tham dự (vắng...), gồm:

1.....Chức vụ:.....

2.....Chức vụ:.....

3.....Chức vụ:.....

Sau khi nghe Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố(3)..... phổ biến và báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các thành viên tham dự họp đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết về từng tiêu chuẩn, tổng điểm và kết quả tự đánh giá.

1. Tổng hợp điểm tự đánh giá theo Phụ lục II

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|--|---|---|-------------|------------------|
| I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển (15 điểm) | 1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định (04 điểm) | Tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia lao động từ 85% trở lên (đối với vùng đô thị), 80% trở lên (đối với vùng nông thôn, miền núi). | 2 | |
| | | Thu nhập bình quân đầu người của thôn, tổ dân phố bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của xã, phường. | 2 | |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp (04 điểm) | Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giảm nghèo được cấp có thẩm quyền giao. | 3 | |
| | | Thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. | 1 | |
| | 3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương (02 điểm) | - Có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật. | 1 | |
| | | Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương. | 1 | |
| | 4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức (05 điểm) | Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức. | 1 | |
| | | Có từ 90% trở lên hộ gia đình tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng. | 2 | |
| | | 80% đường thôn, 100% đường tổ dân phố được cứng hoá; | 2 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|---|---|--|-------------|------------------|
| | | đường thôn, tổ dân phố sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện. | | |
| II. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú (30 điểm) | 1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố (02 điểm) | Có nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách thôn, tổ dân phố thường xuyên được chỉnh trang, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư, phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố. | 2 | |
| | 2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (02 điểm) | Có 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; 100% trẻ trong độ tuổi từ 15 đến 18 đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; có phong trào khuyến học, khuyến tài. | 2 | |
| | 3. Tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh (07 điểm) | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố. | 1 | |
| | | Duy trì tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ; giao hữu, thi đấu các môn thể thao. | 2 | |
| | | Duy trì hoạt động các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích; phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em. | 2 | |
| | | Tối thiểu dành 30% thời gian sử dụng các Nhà Văn hóa - Khu thể | 2 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|----------------|--|--|-------------|------------------|
| | | thao thôn, tổ dân phố trong năm cho hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao cho người già và trẻ em. | | |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội (05 điểm) | 100% hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. | 5 | |
| | 5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội (07 điểm) | 100% các vụ việc mâu thuẫn, bất hòa ở cộng đồng được tổ chức hòa giải thành công. | 1 | |
| | | Thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; không để phát sinh người mới mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không có học sinh, thanh thiếu niên có hành vi đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng, vi phạm pháp luật hình sự; không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại. | 2 | |
| | | Được công nhận đạt chuẩn “An ninh trật tự, an toàn xã hội”. | 4 | |
| | 6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương (07 điểm) | Di sản văn hóa trên địa bàn thôn, tổ dân phố được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. | 2 | |
| | | Có hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương. | 2 | |
| | | Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình | 3 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|--|---|---|-------------|------------------|
| | | công cộng trên địa bàn. | | |
| III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp (23 điểm) | 1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (05 điểm) | 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom xử lý đúng quy định. | 5 | |
| | 2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương (05 điểm) | 100% gia đình thực hiện thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang và tổ chức việc tang theo nếp sống văn minh, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý hộ tịch, bảo vệ môi trường, y tế và không phát sinh các vi phạm, hủ tục, lãng phí gây bức xúc trong cộng đồng. | 3 | |
| | | - Việc mai táng được thực hiện tại các nghĩa trang theo đúng quy hoạch, quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương; khuyến khích hình thức hỏa táng văn minh, tiết kiệm đất đai. | 2 | |
| | 3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ (04 điểm) | 100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn thôn, tổ dân phố được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, ghế đá, trồng cây, trồng hoa, thường xuyên được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ. | 4 | |
| 4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ | 100% hộ gia đình tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh | 2 | | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|--|--|--|-------------|------------------|
| | sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh (09 điểm) | môi trường và phòng, chống dịch bệnh. | | |
| | | 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn, tổ dân phố sử dụng nước đảm bảo vệ sinh theo quy định; có nhà tiêu, nhà tắm, dụng cụ chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và bảo đảm 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ). | 3 | |
| | | Trên địa bàn thôn, tổ dân phố có hệ thống cấp, thoát nước thường xuyên được cải tạo, nâng cấp; cải tạo các ao, hồ sinh thái; có tổ vệ sinh, thường xuyên quét dọn, thu gom, xử lý rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định; (đối với các thôn không có cụm, tuyến dân cư tập trung, cần tổ chức tốt việc vận động, hướng dẫn cho mỗi hộ gia đình đào hố thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải hợp vệ sinh). | 2 | |
| | | Các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, có biện pháp không chế, không làm lây lan dịch bệnh (nếu có). | 2 | |
| IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách | 1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (04 điểm) | Triển khai nhiều hình thức tuyên truyền nội dung đa dạng phong phú thu hút được đông đảo Nhân dân quan tâm, hưởng ứng thực hiện; các tổ chức đoàn thể sinh hoạt hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đảng được xếp loại “Tốt” trở lên. | 4 | |
| | 2. Tổ chức triển khai | Tổ chức triển khai phát động | 2 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|--|---|--|-------------|------------------|
| pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương (22 điểm) | các phong trào thi đua của địa phương (02 điểm) | rộng rãi đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn; tổ chức đăng ký, thực hiện bình xét, đánh giá, tổng kết các phong trào thi đua nghiêm túc, đúng quy định. | | |
| | | Có từ 03 tổ chức tự quản ở cộng đồng trở lên hoạt động có hiệu quả. | 4 | |
| | 3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả (06 điểm) | Có hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. | 2 | |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình văn hóa (06 điểm) | Có từ 85% hộ gia đình trở lên được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, trong đó có ít nhất 65% gia đình văn hóa đạt 3 năm liên tục trở lên. | 4 | |
| | | Đảm bảo nguyên tắc xét danh hiệu gia đình văn hóa khách quan, công bằng, chính xác và công khai. | 2 | |
| | 5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (04 điểm) | Có ít nhất 01 mô hình câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả. | 2 | |
| | Tại năm đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, thôn, tổ dân phố không có bạo lực gia đình xảy ra. | 2 | | |
| V. Có tinh thần đoàn | 1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung | Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn | 3 | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|---|--|---|-------------|------------------------------|
| kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng (10 điểm) | ương và địa phương phát động (3 điểm) | đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, Cuộc vận động “Vì người nghèo” và các cuộc vận động khác. | | |
| | 2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn (04 điểm) | Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn được quan tâm, chăm sóc. | 4 | |
| | 3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở (03 điểm) | Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở. | 3 | |
| TỔNG CỘNG ĐIỂM | | | 100 | Tổng điểm tự đánh giá |

2. Kết luận và biểu quyết

- Tổng điểm tự đánh giá: Thôn/tổ dân phố...(3)... tự đánh giá đạt:..../100 điểm.
- Xếp loại:.....(6)....
- Thôn/tổ dân phố.....(3)..... (thuộc/không thuộc) xã miền núi/đặc biệt khó khăn, đạt.... điểm. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số .../2025/QĐ-UBND, thôn/tổ dân phố (đủ/không đủ điều kiện) đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm....(2)....
- Kết quả biểu quyết:

- + Tổng số thành viên dự họp:....
 - + Số thành viên nhất trí với kết quả tự đánh giá và đề nghị xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”:...../..... người (đạt tỷ lệ....%)
 - + Số thành viên không nhất trí:....người.
 - + Số thành viên có ý kiến khác:...người (nếu có, tóm tắt ý kiến).
- Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí với kết quả tự đánh giá và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường.. (4)... xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” cho thôn/tổ dân phố...(3...) năm....(2)...
- Cuộc họp kết thúc vào hồi giờphút, ngày ... tháng năm...

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
- (3) Tên thôn/tổ dân phố.
- (4) Tên xã/phường.
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.
- (6) Căn cứ khoản 2 Điều 4 Quyết định số .../2025/QĐ-UBND, nếu thuộc xã miền núi hoặc xã đặc biệt khó khăn đạt 85 điểm trở lên; nếu không thuộc trường hợp trên, đạt từ 90 điểm trở lên. Điểm chi tiết từng tiêu chuẩn đạt từ 50% số điểm trở lên.

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(3)...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

.....(1)....., ngày tháng năm.....

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu
“Xã, phường tiêu biểu” năm(2)...**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-UBND của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã/phường...(3)...

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.. (4)... xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ... (2)... cho xã/phường:...(3)..../.

*(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị trình khen; báo cáo thành tích).***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TĐKT ...;
- Lưu: VT,...(....).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG...
CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường.
- (4) Tên tỉnh.

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(3)...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH**đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm(2)....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xã/phường ...(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm .. (2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường ...(3).... đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích xã/phường ...(3).... đạt được trong năm .. (2).... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”.

Nơi nhận:

- UBND ...;
- HĐ TĐKT ...;
- Lưu: VT,..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG.....(3).....**CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
- (3) Tên xã/phường.
- (4) Tên tỉnh.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP**xã/phường....(3)... tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu****“Thôn/tổ dân phố văn hóa”****Năm ...(2)...**

Thời gian:.....giờ.....phút, ngày tháng năm...

Địa điểm:.....(5).....

Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường....(3).... tiến hành họp tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:.....

Thư ký cuộc họp:.....

Các thành viên tham dự (vắng.....), gồm:

1.....Chức vụ:.....;

2.....Chức vụ:.....;

NỘI DUNG CUỘC HỌP

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường;. ..(3) phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)... theo các tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Các thành viên tham dự họp đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín) về từng tiêu chuẩn và kết quả tự đánh giá.

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ**1. Đánh giá theo từng tiêu chuẩn theo Phụ lục III Quyết định số .../2025/QĐ-UBND...**

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|---|--|---|--|
| I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao | 1. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác | Trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; không có học sinh, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật hình sự, đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng; triển khai thực hiện tốt công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; có mô hình camera an ninh và mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy gắn phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | |
| | | Xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. | |
| | 2. Hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội | Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm. | |
| | | Có các hoạt động hợp tác, liên kết phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ thu hút lao động, tạo việc làm nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện đời sống cho người dân trên địa bàn. | |
| | 3. Thực hiện công tác quân sự, quốc phòng của địa phương | Hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang dân quân tự vệ. | |
| | | Triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết và văn bản chỉ đạo của cấp trên về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong năm. | |
| | | Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được giao. | |
| | Không có công dân không hoàn thành nghĩa vụ quân sự. | | |
| II. Đòi hỏi sống kinh tế ổn định | 1. Thu nhập bình quân đầu | Tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia lao động từ 85% trở lên (đối với phường), 80% trở lên | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|--|---|---|--|
| và từng bước phát triển | người bằng hoặc cao hơn năm trước | (đối với xã). | |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương | Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước. | |
| | 3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh. | |
| | 4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế | Triển khai thực hiện tốt các quy định về đảm bảo an toàn hệ thống đường điện trên địa bàn. | |
| | | 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được cung cấp đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất. | |
| | | 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả. | |
| III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong | 1. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn | Không có xảy tranh chấp, khiếu kiện cơ sở vật chất, đất đai hoặc bị phản ánh về lãng phí các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn. | |
| | | Có 90% trở lên thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm, trong đó ít nhất có 60% thôn, tổ dân phố đạt 5 năm liên tục trở lên. | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|----------------|--|--|--|
| phú | hóa trong năm | | |
| | 2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả | 100% Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | |
| | | 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường có thành lập các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và thường xuyên hoạt động hiệu quả. | |
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội | 100% hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. | |
| | 4. Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền | Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn được bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo đúng quy định. | |
| | Không có hoạt động khiếu kiện, khiếu nại, lấn chiếm đất, xâm hại di tích; không có vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích. | | |
| | Các giá trị văn hóa phi vật thể, các hoạt động văn hóa, thể thao dân gian truyền thống được giữ gìn, bảo tồn và phát huy trong đời sống cộng đồng. | | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|---|--|--|--|
| | thông của địa phương | | |
| IV. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp | 1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ | Thường xuyên tuyên truyền, phát động phong trào trồng cây xanh công cộng tại các đường thôn, tổ dân phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư; xây dựng các mô hình tổ liên gia tự quản về vệ sinh môi trường. | |
| | | 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn thực hiện nghiêm túc quy định về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng và các quy định về phòng, chống cháy, nổ. | |
| | | Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy; xây dựng các mô hình tổ liên gia an toàn về phòng chống cháy, nổ. | |
| | 2. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đã được quy hoạch trong quy hoạch chung các cấp. | |
| | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) trên địa bàn thực hiện quy trình chôn cất, hỏa táng đúng quy định của pháp luật, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh trong tình hình mới. | | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|--|--|--|--|
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy định: Khu vực đô thị: 100%; Khu vực nông thôn: 70%; Khu vực dân tộc thiểu số và miền núi: 65%. | |
| | 4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Các tuyến đường giao thông nội bộ, đường xã, phường liên xã, phường và các khu vực công cộng có trồng cây xanh, cây bóng mát đảm bảo cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn và được vệ sinh môi trường thường xuyên. | |
| | | Không để tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, dưới kênh mương thoát nước không có rác thải. | |
| V. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước | 1. Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | Triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, nội dung đa dạng, phong phú thu hút được đông đảo Nhân dân quan tâm, hưởng ứng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. | |
| | | Các tổ chức đoàn thể có xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sinh hoạt thường xuyên, đạt chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đảng được xếp loại “Tốt” trở lên. | |
| | 2. Triển khai dịch vụ công trực tuyến | Tổ chức triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định. Có từ 80% trở lên thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Kết quả tự đánh giá (Đạt/không đạt) |
|----------------|---|--|--|
| | phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định | tuyên một phần và toàn trình. | |
| | 3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương | Có xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Tạo lập và bảo đảm vận hành ôn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh; xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. | |
| | | Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật; | |
| | | Tổ chức các buổi trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư. | |
| | 4. Xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Có quyết định công nhận xã, phường, đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. | |

2. Kết luận và biểu quyết

- Căn cứ kết quả tự đánh giá chi tiết từng tiêu chuẩn theo Phụ lục III và quy định tại Điều 4 Quyết định số.../2025/QĐ-UBND, xã/phường...(3)... đủ điều kiện đề

ng nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)... do đạt tất cả các tiêu chuẩn quy định.

- Kết quả biểu quyết:

+ Tổng số thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường dự họp:...

+ Số thành viên nhất trí với kết quả tự đánh giá và đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”:... người (tỷ lệ... %).

+ Số thành viên không nhất trí:...người.

+ Số thành viên có ý kiến khác:...người (nếu có, tóm tắt ý kiến).

- Kết quả:...% thành viên dự họp nhất trí với kết quả tự đánh giá và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...(4)... ban hành Quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)...

Cuộc họp kết thúc vào hồi...giờphút, ngày ... tháng năm...

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh nơi đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

(3) Tên xã/phường.

(4) Tên tỉnh.

(5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(3)...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

.....(1)....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm ...(2)...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG.....(3).....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;**Căn cứ Nghị định số 86 /2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;**Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;**Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố ...(3).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tặng các thôn, tổ dân phố trong danh sách kèm theo Quyết định này danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” năm .. (2).**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố... (3)..., Ủy ban nhân dân xã/phường... (3)..., các cơ quan, tổ chức liên quan và các thôn, tổ dân phố có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Địa danh nơi đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

(3) Tên xã/phường.

Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

.....(1)....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH(4).....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;**Căn cứ Nghị định số 86 /2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;**Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ và cách thức đánh giá, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;**Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường...(3)...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tặng các xã, phường, trong danh sách kèm theo Quyết định này đạt danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” năm ...(2)...**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường...(3)...., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan và các xã, phường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường.
- (4) Tên tỉnh.